

## TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG VÀ TỶ LỆ BỆNH CỦA TRẺ DƯỚI 12 THÁNG TUỔI ĐANG ĐIỀU TRỊ TẠI KHOA NHI, BỆNH VIỆN TỈNH HÀ NAM TRONG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

NGUYỄN VĂN DŨNG, PHẠM VĂN PHÚ  
LÊ QUANG ĐOÁN, VŨ NGỌC HÀ

### TÓM TẮT

Nghiên cứu 243 trẻ dưới 12 tháng tuổi đang nằm điều trị tại Khoa Nhi, bệnh viện tỉnh Hà Nam trong 3 tháng đầu năm 2012 cho thấy: Tỷ lệ nhẹ cân 6,6%; thấp còi 15,2%; còi 14,8%; tương đồng trong khoảng dao động tỷ lệ SDD tại cộng đồng của trẻ cùng lứa tuổi ở một số địa phương phía Bắc. Nhóm trẻ <4 tháng tuổi có tỷ lệ SDD nhẹ cân và còi cao hơn; nhóm trẻ từ 4 tháng trở lên có tỷ lệ thấp còi cao hơn. Bệnh chủ yếu khiến trẻ phải nằm điều trị chủ yếu là viêm đường hô hấp (61,7%), tiếp theo là tiêu chảy (14,4%), các bệnh khác chiếm tỷ lệ không cao.

**Từ khóa:** suy dinh dưỡng, tỷ lệ bệnh, khoa nhi, bệnh viện Hà Nam.

### SUMMARY

Research on nutrition status and disease prevalence was carried out among under 12 months of age children who are being treated at the paediatric unit of Ha Nam hospital in the first quarter 2012. The results showed that: prevalences of children suffered from underweight, stunting, wasting were 6.6%; 15.2% and 14.8% respectively; were similar with the results of some studies in communities of the North. Underweight and wasting prevalences among under 4 months of age children group were higher than 4-11 months of age children one. Prevalence of respiratory disease was 61.7% and diarrhea was 14.4%; and these were the leading causes.

**Keywords:** malnutrition, disease prevalence, paediatric unit, Ha Nam hospital.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng dinh dưỡng trong 2 năm đầu tiên đóng vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng, phát triển và sức khỏe của trẻ ở những năm tiếp theo. Đặc biệt hơn nữa là trong 12 tháng đầu tiên của cuộc đời đứa trẻ với nhiều thay đổi: từ lọt lòng mẹ đến thời kỳ sơ sinh (newborn), thời kỳ trẻ nhỏ (infant) và trong nuôi dưỡng từ bú sữa mẹ hoàn toàn tới ăn bổ sung. Chính trong thời gian này, nếu việc chăm sóc, nuôi dưỡng không đúng, trẻ cũng dễ mắc các bệnh nhiễm trùng, nhất là tiêu chảy và viêm đường hô hấp.

Cho đến nay, các nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng (TTDD) trẻ em chủ yếu tập trung vào trẻ dưới 5 tuổi và gần đây nhiều nghiên cứu đã tập trung vào trẻ dưới 24 tháng tuổi. Tuy vậy, các nghiên cứu hoặc các số liệu có được chủ yếu phản ánh TTDD của trẻ ở cộng đồng. Theo số liệu của Viện Dinh dưỡng Quốc gia, tỷ lệ suy dinh dưỡng (SDD) trẻ em dưới 5 tuổi năm 2011 tính chung toàn quốc theo cân nặng/tuổi là 16,8%; chiều cao/tuổi: 27,5%; cân nặng/chiều cao: 6,6%. Trong đó, vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ SDD thấp nhất sau đó đến vùng Đồng bằng sông Hồng với cân nặng/tuổi: 12,7%; chiều cao/tuổi: 22,7% và cân nặng/chiều cao: 5,4%. Hà Nam có tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi theo 3 chỉ số trên (tương ứng) là 16,8%; 26,3% và 8,6%; cao hơn so với tỷ lệ chung của vùng [1]. Thực tế cho thấy, rất ít các nghiên cứu về TTDD được tiến hành ở nhóm trẻ trong bệnh viện, nơi mà trẻ em đang phải nằm điều trị một bệnh nào đó. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm các mục tiêu sau đây:

1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 12 tháng tuổi đang nằm điều trị tại Khoa Nhi, bệnh viện tỉnh Hà Nam trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2012.

2. Xác định tỷ lệ bệnh trẻ bị mắc phải vào viện điều trị.

### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**1. Đối tượng nghiên cứu, thời gian nghiên cứu:** Tất cả trẻ em đang điều trị tại Khoa Nhi bệnh viện tỉnh Hà Nam trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2012.

**2. Phương pháp nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả.

**3. Cơ mẫu:** Toàn bộ 243 trẻ đủ tiêu chuẩn được đưa vào nghiên cứu.

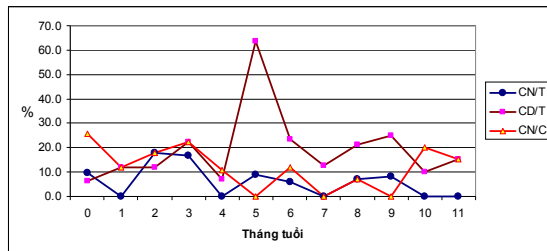
### 4. Thu thập và xử lý số liệu

Cân nặng, chiều dài, tuổi, giới được cân, đo và lấy khi nhập viện.

Các chỉ số nghiên cứu khác được lấy dựa vào bệnh án vào viện.

Số liệu được xử lý bằng phần mềm STATA 8.0 với các test thống kê y học thông thường.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1: Tỷ lệ suy dinh dưỡng theo tháng tuổi

Biểu đồ 1 cho thấy trẻ bị SDD thể nhẹ cân (CN/T thấp) ở trẻ sơ sinh là 9,7%; trẻ 2 tháng tuổi là 17,7% và 3 tháng tuổi: 16,7%, ở những tháng tuổi sau khoảng 7-8 tháng. Với thể thấp còi (CD/T thấp), có 6,5% trẻ sơ sinh bị SDD, trẻ 1-2 tháng tuổi: 12,0%; trẻ 5 tháng tuổi: 63,6%, ở các tháng tuổi tiếp theo tỷ lệ SDD thấp còi trong khoảng 15-20%. Thể gầy còm (CN/CD thấp) trẻ sơ sinh là 25,8%; các tháng tuổi sau đó khoảng trên 10%.

Bảng 1: Tình trạng dinh dưỡng chung và theo nhóm tuổi

TTDD		Chung		Nhóm < 4 tháng		Nhóm ≥ 4 tháng		p* (χ <sup>2</sup> /Fisher-exact)
		n	%	n	%	n	%	
CNT	BT	227	93,4	110	90,2	117	96,7	< 0,05
	SDD	16	6,6	12	9,8	4	3,3	
CD/T	BT	206	84,8	109	89,3	97	80,2	< 0,05
	SDD	37	15,2	13	10,7	24	19,8	
CN/C	BT	207	85,2	96	78,7	111	91,7	< 0,01
	SDD	36	14,8	26	21,3	10	8,3	

\* p: so sánh 2 nhóm tuổi < 4 tháng và ≥ 4 tháng.

Kết quả bảng 1 thấy: tỷ lệ SDD chung cho nhóm trẻ được nghiên cứu theo các thể nhẹ cân (CN/T thấp) là 6,6%; thấp còi (CD/T thấp) là 15,2%; còm (CN/CD thấp) là 14,8%. Khi chia 2 nhóm tuổi (< 4 tháng tuổi và từ 4 tháng tuổi trở lên), TTDD ở nhóm trẻ < 4 tháng tuổi thể nhẹ cân là 9,8%; thấp còi 10,7%; còm 21,3%. Nhóm trẻ từ 4 tháng tuổi trở lên, tỷ lệ SDD theo 3 chỉ số này là 3,3%; 19,8% và 8,3% tương ứng. So sánh 3 thể SDD nhẹ cân, thấp còi, còm giữa 2 nhóm cho thấy tất cả đều có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (với p < 0,05; p < 0,05 và p < 0,01 tương ứng).

Bảng 2: Tình trạng dinh dưỡng Z-Score theo nhóm tuổi

Z-Score	Nhóm tuổi	n	X̄ ± SD	P (Mann-Whitney)
WAZ	< 4 tháng	122	-0,44 ± 1,20	< 0,05
	≥ 4 tháng	121	-0,09 ± 1,08	
HAZ	< 4 tháng	122	-0,22 ± 1,38	> 0,05
	≥ 4 tháng	121	-0,20 ± 1,87	
WHZ	< 4 tháng	122	-0,42 ± 1,92	< 0,05
	≥ 4 tháng	121	0,21 ± 1,85	

Tính theo Z-Score giữa 2 nhóm tuổi, TTDD cân nặng/tuổi ở nhóm trẻ ≥ 4 tháng có Z-Score là -0,09 ± 1,08; nhóm < 4 tháng là -0,44 ± 1,20; giữa 2 nhóm có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p < 0,05). TTDD chiều dài/tuổi ở nhóm trẻ ≥ 4 tháng có Z-Score là -0,20 ± 1,87; nhóm < 4 tháng là -0,22 ± 1,38; chưa thấy sự khác biệt. TTDD cân nặng/chiều dài ở nhóm trẻ ≥ 4

tháng có Z-Score là  $0,21 \pm 1,85$ ; nhóm <4 tháng là  $-0,42 \pm 1,92$ ; khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

Bảng 3: Tỷ lệ bệnh theo nhóm tuổi

Bệnh		Nhóm tuổi (tháng)					Tổng
		Sơ sinh	1-2	3-5	6-8	9-11	
Viêm ĐHH	n	11	47	44	29	19	150
	%	44,0	59,5	77,2	61,7	54,3	61,7
Tiêu chảy	n	0	3	8	14	10	35
	%	0,0	3,8	14,0	29,8	28,6	14,4
Vàng da	n	8	22	0	0	0	30
	%	32,0	27,9	0,0	0,0	0,0	12,4
Sốt cao co giật	n	0	1	2	0	2	5
	%	0,0	1,3	3,5	0,0	5,7	2,1
Bệnh khác	n	6	6	3	4	4	23
	%	24,0	7,6	5,3	8,5	11,4	9,5
Tổng	n	25	79	57	47	35	243
	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguyên nhân trẻ phải nằm điều trị nhiều nhất là viêm đường hô hấp (61,7% tổng số trẻ được điều tra); tiêu chảy 14,4%; vàng da cần điều trị 12,4%; có 2,1% trẻ bị sốt cao kèm co giật; các bệnh khác chiếm 9,5%.

Theo nhóm tuổi cho thấy trẻ sơ sinh bị viêm đường hô hấp là 44,0%; trẻ 1-2 tháng tuổi 59,5%; trẻ 3-5 tháng tuổi 77,2%; trẻ 6-8 tháng tuổi 61,7%; trẻ 9-11 tháng tuổi 54,3%. Tiếp theo là tiêu chảy: từ tháng thứ 3-5 là 14,0%; nhóm trẻ 6-11 tháng xấp xỉ 29%.

### BÀN LUẬN

Qua nghiên cứu 243 trẻ đang nằm điều trị tại Khoa Nhi, bệnh viện tỉnh Hà Nam trong 3 tháng đầu năm 2012 cho thấy ngay từ sơ sinh trẻ đã bị SDD nhẹ cân xấp xỉ 10%, tăng lên cao nhất khi trẻ 2-3 tháng tuổi (17-18%), duy trì trung bình khoảng 7-8% những tháng tuổi sau đó. Với thể thấp còi, ngay từ sơ sinh đã có hơn 6% bị SDD, tăng nhanh ở các tháng tuổi tiếp theo và cao nhất ở trẻ 5 tháng tuổi (gần 64%), duy trì cao trong khoảng 15-20% ở các tháng tuổi tiếp theo. Thể gầy còm cũng có tỷ lệ cao ngay từ sơ sinh và duy trì cao trong các tháng tuổi.

Tính chung cho cả nhóm trẻ được nghiên cứu, tỷ lệ SDD thể nhẹ cân là 6,6%; thấp còi là 15,2%; còm là 14,8%. Phạm Văn Phú và cs (2007) đánh giá TTDD 245 trẻ 0-11 tháng tuổi ở Sóc Sơn thấy tỷ lệ nhẹ cân là 4,5%; thấp còi là 9,8%; còm là 4,1% [4]. Năm 2011, một nghiên cứu khác cùng tác giả trên 117 trẻ dưới 12 tháng tại Chiêm Hóa cũng cho thấy những tỷ lệ này là 12,0%; 12,0% và 11,1% (tương ứng) [5]. Bùi Thị Tá Tâm và cs (2003) nghiên cứu trên nhóm cư dân sống trên thuyền phường Phú Bình, thành phố Huế cho thấy ở nhóm trẻ <12 tháng tuổi, tỷ lệ SDD nhẹ cân là 28,6%; thấp còi là 26,2%; còm là 16,7% [6]. Như vậy, tỷ lệ SDD nói chung của nhóm trẻ đang điều trị tại Khoa Nhi, bệnh viện Hà Nam cũng tương đồng trong khoảng dao động tỷ lệ SDD tại cộng đồng của trẻ cùng lứa tuổi ở một số địa phương phía Bắc nhưng thấp hơn

rất nhiều so với nhóm trẻ của một quần dân cư đặc biệt tại Huế.

Khi chia 2 nhóm tuổi (<4 tháng tuổi và từ 4 tháng tuổi trở lên), cho thấy tỷ lệ SDD thể nhẹ cân và thể còm ở nhóm trẻ nhỏ cao hơn so với nhóm trẻ lớn; ngược lại tỷ lệ SDD thể thấp còi ở nhóm trẻ lớn lại có xu hướng cao hơn nhóm trẻ nhỏ, tất cả đều khác biệt có ý nghĩa thống kê. Ở nhóm trẻ lớn các tỷ lệ SDD cao/thấp có sự tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Hoa (2011) đánh giá TTDD trẻ em ở Yên Thủy, Hòa Bình: nhóm trẻ 6-11 tháng có tỷ lệ SDD nhẹ cân là 6,7%; thấp còi là 26,7%; còm là 6,7% [2].

Trong những trẻ được nghiên cứu các bệnh chủ yếu khiến trẻ phải nằm điều trị với tỷ lệ cao nhất là viêm đường hô hấp, chiếm 61,7% tổng số trẻ; tiếp theo là tiêu chảy 14,4%. Nghiên cứu của Phạm Thị Bích Ngọc (2007) tại Nghĩa An, Tu Nghĩa, Quảng Ngãi cũng cho thấy ở nhóm trẻ <12 tháng, tiêu chảy chiếm một tỷ lệ rất cao (71,0% số trẻ được điều tra) [3].

### KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ SDD của trẻ dưới 12 tháng tuổi đang điều trị tại Khoa Nhi, bệnh viện Hà Nam trong 3 tháng đầu năm 2012 là: nhẹ cân 6,6%; thấp còi 15,2%; còm 14,8%; tương đồng trong khoảng dao động tỷ lệ SDD tại cộng đồng của trẻ cùng lứa tuổi ở một số địa phương phía Bắc. Nhóm trẻ <4 tháng tuổi có tỷ lệ SDD nhẹ cân và còm cao hơn; nhóm trẻ từ 4 tháng trở lên có tỷ lệ thấp còi cao hơn.

2. Bệnh chủ yếu khiến trẻ phải nằm điều trị chủ yếu là viêm đường hô hấp (61,7%), tiếp theo là tiêu chảy (14,4%), các bệnh khác chiếm tỷ lệ không cao.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- NIN (2011). GSO Survey 2011.
- Nguyễn Thị Như Hoa (2011). Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của trẻ em dưới 5 tuổi huyện Yên Thủy tỉnh Hòa Bình năm 2011. *Khóa luận tốt nghiệp bác sỹ đa khoa; khóa 2005 – 2011. Trường ĐHYHN. Tr. 29-31.*
- Phạm Thị Bích Ngọc, Phạm Văn Nhu (2009). Nghiên cứu tình hình tiêu chảy ở trẻ em dưới 5 tuổi tại xã Nghĩa An - huyện Tư Nghĩa - tỉnh Quảng Ngãi năm 2007. *Tạp chí YHTH (644+645); số 2/2009. Tr. 1-4.*
- Phạm Văn Phú, Trần Văn Hà, Phạm Duy Tường (2007). Bước đầu áp dụng chuẩn WHO 2006 để đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tại 2 xã Việt Long và Phú Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Y học thực hành, số 585, 2007, tr. 109-113.*
- Phạm Văn Phú, Phạm Tùng Sơn (2011). Dinh dưỡng và một số yếu tố ảnh hưởng ở trẻ dưới 24 tháng tuổi. *Tạp chí Nghiên cứu Y học, tập 72, số 1, 2011, tr. 106-111.*
- Bùi Thị Tá Tâm, Huỳnh Đình Chiến (2003). Nghiên cứu khẩu phần ăn và tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi tại một quần thể dân cư sống trên thuyền ở phường Phú Bình, thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học; Đại học Huế, số 18. Tr. 67-79.*